# BỘ CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

# NGHỀ: GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ

# TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

# Bài 6. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### a. Nội dung câu hỏi

**Câu 1.** Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch chiến lược là giống nhau.

A. Sai B. Đúng

**Câu 2.** Mô hình kinh doanh khác với kế hoạch kinh doanh

A. Sai B. Đúng

**Câu 3.** Nguyên tắc mục tiêu là nguyên tắc quan trọng và được cân nhắc đầu tiên khi lập phương án sản xuất kinh doanh.

A. Đúng B. Sai

**Câu 4.** Để lập phương án sản xuất kinh doanh cần có thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp trong các năm trước.

A. Đúng B. Sai

**Câu 5.** Những phong tục, tập quán tại địa phương là những yếu tố thuộc môi trường vi mô ảnh hưởng đến lập việc lập phương án sản xuất kinh doanh.

A. Sai B. Đúng

**Câu 6.** Năng lực quản trị của hợp tác xã nông nghiệp và mối quan hệ của hợp tác xã nông nghiệp với chính quyền địa phương là yếu tố nội bộ ảnh hưởng đến quá trình xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

A. Đúng B. Sai

**Câu 7.** Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và kỹ năng tốt là điểm mạnh của hợp tác xã.

A. Đúng B. Sai

**Câu 8.** Đối thủ cạnh tranh của hợp tác xã là yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

A. Đúng B. Sai

**Câu 9.** Khi xây dựng phương án sản xuất kinh doanh không cần thiết phải giới thiệu tên của HTX nông nghiệp nữa vì trước đó thành lập đã có tên rồi.

A. Sai B. Đúng

**Câu 10.** Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu là yếu tố thuộc môi trường vĩ mô có tác động đến việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp.

A. Đúng B. Sai

**Câu 11.** Việc phân tích ma trận SWOT sẽ giúp HTX lựa chọn các chiến lược cạnh tranh hiệu quả.

A. Sai B. Đúng

**Câu 12.** Để xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, hợp tác xã cần phân tích nhu cầu dịch vụ của các thành viên và danh sách các dịch vụ hợp tác xã cần thực hiện dự kiến ít nhất trong 5 năm đến.

A. Đúng B. Sai

**Câu 13.** Việc ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp là hợp tác xã đang sử dụng yếu tố vĩ mô để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

A. Đúng B. Sai

**Câu 14.** Các siêu thị bán lẻ có thể là khách hàng của hợp tác xã sản xuất và chế biến chè trong tương lai.

A. Đúng B. Sai

**Câu 15.** Chiến lược SO là chiến lược sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để hạn chế những thách thức/trở ngại từ thị trường.

A. Đúng B. Sai

**Câu 16.** Chiến lược WO là chiến lược khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để tận dụng cơ hội từ thị trường.

A. Đúng B. Sai

**Câu 17.** Việc phân tích môi trường bên trong chính là việc xác định điểm mạnh, điểm yếu của hợp tác xã.

A. Đúng B. Sai

**Câu 18.** Sự thay đổi và phát triển các loại giống lúa mới trên thị trường là yếu tố thuộc môi trường vi mô ảnh hưởng đến các HTX sản xuất và chế biến lúa gạo.

A. Đúng B. Sai

**Câu 19.** Sự tăng giá xăng dầu tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã kinh doanh và chế biến lúa gạo.

A. Đúng B. Sai

**Câu 20.** Kế hoạch kinh doanh là một kế hoạch trung hạn của hợp tác xã nhằm vạch ra mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn tới,

A. Đúng B. Sai

**Câu 21.** Phương án sản xuất kinh doanh phải cân đối giữa quy mô, chất lượng sản phẩm với nguồn lực và biện pháp thực hiện.

A. Đúng B. Sai

**Câu 22.** Khi xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cần nêu đầy đủ ngành, nghề sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

A. Đúng B. Sai

**Câu 23.** Khi xây dựng phương án sản xuất kinh doanh không cần thiết nêu phương án đầu tư cơ sở vật chất vì mất thời gian cho việc này.

A. Đúng B. Sai

**Câu 24.** Đối với hợp tác xã tạo việc làm, khi xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cần xác định các hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động với các thành viên.

A. Đúng B. Sai

**Câu 25.** Các hợp tác xã nông nghiệp chỉ cần dựa vào lợi thế của địa phương thì đã có thể xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả.

A. Đúng B. Sai

**Câu 26.** Hợp tác xã có thể lựa chọn và sử dụng nhiều chiến lược phát triển khác nhau giúp HTX đạt được mục tiêu đặt ra.

A. Đúng B. Sai

**Câu 27.** Việc thiếu thông tin về thị trường nông nghiệp là một yếu tố thuộc môi trường vĩ mô ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của HTX nông nghiệp.

A. Đúng B. Sai

**Câu 28.** Mức tăng trưởng dân số và cơ cấu độ tuổi có ảnh hưởng nhiều đến lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp.

A. Đúng B. Sai

**Câu 29.** Kế hoạch chiến lược của hợp tác xã là:

A. Kế hoạch kinh doanh của hợp tác xã

B. Kế hoạch sản xuất trung hạn của hợp tác xã

C. Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã

D. Mục tiêu của hợp tác xã trong 5 năm đến

**Câu 30.** Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã là:

A. Chiến lược phát triển của hợp tác xã

B. Kế hoạch chiến lược của hợp tác xã

C. Các phân tích, đánh giá và tác nghiệp của một thương vụ kinh doanh

D. Kế hoạch kinh doanh của hợp tác xã

**Câu 31**. Đất đai và địa hình là yếu tố thuộc môi trường nào của hợp tác xã nông nghiệp?

A. Môi trường vi mô

B. Môi trường nội bộ

C. Môi trường bên ngoài

D. Môi trường vĩ mô

**Câu 32**: Công ty X bán lá chè nguyên liệu cho HTX sản xuất và chế biến chè được gọi là:

A. Khách hàng của hợp tác xã

B. Nhà cung cấp của hợp tác xã

C. Đối thủ cạnh tranh hiện tại của hợp tác xã

D. Đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn của hợp tác xã

**Câu 33**. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của hợp tác xã là sự phân tích về nội dung nào?

A. Phân tích SWOT

B. Phân tích cạnh tranh

C. Phân tích thị trường

D. Phân tích chiến lược

**Câu 34**. Khi xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, việc xác định mua sắm thiết bị cho dự án sắp đến thuộc loại phương án nào?

A. Phương án tài chính

B. Phương án doanh thu và chi phí

C. Phương án đầu tư cơ sở vật chất

D. Phương án trích lập quỹ đầu tư phát triển;

**Câu 35**: Hợp tác xã sử dụng nguồn lao động có tay nghề nhằm áp dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi. Đây là chiến lược cạnh tranh nào?

A. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để khai thác cơ hội do thị trường đem lại

B. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để tận dụng cơ hội do thị trường đem lại

C. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

D. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

**Câu 36.** Hợp tác xã nông nghiệp đang hạn chế về vốn tuy nhiên muốn mở rộng thị trường về du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái do nhu cầu du lịch ngày càng tăng cao. Hợp tác xã đang sử dụng chiến lược cạnh tranh nào?

A. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để khai thác cơ hội do thị trường đem lại

B. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để tận dụng cơ hội do thị trường đem lại

C. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

D. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

**Câu 37.** Các sản phẩm chè túi lọc, chè dưỡng nhan ngày càng được ưa chuộng. Điều này khiến các HTX sản xuất và chế biến chè truyền thống trở nên gặp khó khăn. Hợp tác xã nên dùng chiến lược gì để áp dụng?

A. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để khai thác cơ hội do thị trường đem lại

B. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để tận dụng cơ hội do thị trường đem lại

C. Sử dụng điểm mạnh của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

D. Khắc phục điểm yếu của hợp tác xã để phòng chống nguy cơ từ môi trường bên ngoài

**Câu 38**. Để xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, hợp tác xã cần tổ chức điều tra thông tin nào?

A. Thông tin từ nhu cầu thị trường

B. Thông tin nhu cầu thành viên

C. Thông tin về kế hoạch tài chính

D. Thông tin về kế hoạch marketing

**Câu 39**. Năng lực cạnh tranh sản phẩm/dịch vụ của hợp tác xã là yếu tố thuộc môi trường nào?

A. Môi trường vi mô

B. Môi trường nội bộ

C. Môi trường bên ngoài

D. Môi trường vĩ mô

**Câu 40.** Bảng mô tả việc dự báo quá trình sản xuất kinh doanh của hợp tác xã trong năm tới (năm kế hoạch) được gọi là:

A. Kế hoạch chiến lược

B. Kế hoạch tổng thể

C. Kế hoạch kinh doanh

D. Phương án sản xuất kinh doanh

## b. Hướng dẫn trả lời

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.A | 2.B | 3.A | 4.A | 5.A | 6.A | 7.A | 8.B | 9.A | 10.A |
| 11.B | 12.B | 13.A | 14.A | 15.B | 16.A | 17.A | 18.B | 19.A | 20.B |
| 21.A | 22.A | 23.B | 24.A | 25.B | 26.A | 27.B | 28.A | 29.B | 30.C |
| 31.D | 32.B | 33.A | 34.C | 35.B | 36.B | 37.D | 38.B | 39.B | 40.C |

## II. PHẦN THỰC HÀNH

### a. Nội dung câu hỏi

#### 1. Bài thực hành số 1

| BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 1 | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Tên bài kiểm tra | Anh (chị) hãy trình bày những nội dung chính của một phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã mà anh/chị đang làm việc? |

**I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra**

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

**II. Yêu cầu của bài kiểm tra**

***1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:***

*1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra*

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

*1.2. Nhiệm vụ/công việc 1: Nêu tổng quan về tình hình thị trường và khả năng tham gia của HTX*

- Tổng quan về tình hình thị trường
- Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

*1.3. Nhiệm vụ/công việc 2: Giới thiệu về HTX*

- Giới thiệu tổng thể
+ Tên hợp tác xã
+ Địa chỉ trụ sở chính
+ Vốn điều lệ
+ Số lượng thành viên
+ Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

*1.4. Nhiệm vụ/công việc 3: Phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh*

- Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- Phân tích cạnh tranh

- Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
- Kế hoạch marketing
- Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

*1.5. Nhiệm vụ/công việc 4: Phương án tài chính*

- Phương án huy động và sử dụng vốn
- Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- Phương án tài chính khác

*1.6. Nhiệm vụ/công việc 4: Kết luận*

***2. Yêu cầu chi tiết về kết quả***

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

- Bài làm đầy đủ các nội dung:

+ Nêu tổng quan về tình hình thị trường và khả năng tham gia của HTX

+ Giới thiệu về HTX

+ Phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh

+ Phương án tài chính

***3. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự***

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề bài
- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra
- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

**III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu**

***1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân | | | | |
| 1 | Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ | Bộ | 01 | Loại thông dụng trên thị trường | |

***2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |

***3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm***

| ***TT*** | ***Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu*** | ***Đơn vị tính*** | ***Số lượng*** | ***Yêu cầu kỹ thuật cơ bản*** | ***Ghi chú*** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đề kiểm tra thực hành; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |
| 2 | Đáp án | Bộ | 01 | Hình ảnh phải được in màu trên giấy A4; rõ nét. | |

## IV. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban tổ chức để bổ sung hoặc thay thế.

2. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá
- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh khác
- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

3. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định

- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

**2. Bài thực hành số 2**

| **BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 2** | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Tên bài kiểm tra | Trình bày điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của hợp tác xã anh/chị đang làm việc. Trên cơ sở đó xây dựng và đánh giá ma trận SWOT của hợp tác xã đó? |

**I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra**

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

**II. Yêu cầu của bài kiểm tra**

***1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:***

*1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra*

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

*1.2. Nhiệm vụ/công việc 1: Nêu điểm mạnh, điểm yếu của HTX*

- Nêu điểm mạnh: 3 nội dung
- Nêu điểm yếu: 3 nội dung

*1.3. Nhiệm vụ/công việc 2: Nêu cơ hội và nguy cơ của HTX*

- Nêu cơ hội: 3 nội dung
- Nêu nguy cơ: 3 nội dung

*1.4. Nhiệm vụ/công việc 3: Xây dựng và đánh giá ma trận SWOT*

- Nêu các nhóm kết hợp:

S – O : Sử dụng điểm mạnh của HTX để khai thác cơ hội do môi trường bên ngoài đem lại

W – O: Khắc phục điểm yếu của HTX để tận dụng cơ hội do môi trường đem lại

S – T: Sử dụng điểm mạnh của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài

W – T: Khắc phục điểm yếu của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài.

***2. Yêu cầu chi tiết về kết quả***

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

- Bài làm đầy đủ các nội dung:

+ Nêu các điểm mạnh và điểm yếu sát với thực tế của HTX mà học viên đang công tác.

+ Nêu các cơ hội và nguy cơ sát với thực tế của HTX mà học viên đang công tác.

+ Sử dụng hợp lý các cặp kết hợp của ma trận SWOT.

***3. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự***

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề bài

- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra

- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

**III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu**

***1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân | | | | |
| 1 | Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ | Bộ | 01 | Loại thông dụng trên thị trường | |

***2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |

***3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm***

| ***TT*** | ***Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu*** | ***Đơn vị tính*** | ***Số lượng*** | ***Yêu cầu kỹ thuật cơ bản*** | ***Ghi chú*** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đề kiểm tra thực hành; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |
| 2 | Đáp án | Bộ | 01 | Hình ảnh phải được in màu trên giấy A4; rõ nét. | |

## IV. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban tổ chức để bổ sung hoặc thay thế.

2. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá
- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh khác
- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

3. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định
- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

### 3. Bài thực hành số 3

| BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 3 | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Tên bài kiểm tra | Phân tích môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, môi trường nội bộ của HTX nông nghiệp mà anh/chị đang làm việc? |

**I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra**

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

**II. Yêu cầu của bài kiểm tra**

***1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:***

*1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra*

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

*1.2. Nhiệm vụ/công việc 1*: *Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô*

- Điều kiện tự nhiên: đất đai, địa hình, khí hậu thời tiết địa phương;
- Tình hình kinh tế chung và mức sống của người dân tại địa phương;
- Những phong tục, tập quán truyền thống tại địa phương;
- Các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch tại địa phương;
- Sự thay đổi, phát triển của khoa học công nghệ;
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trung ương, chính quyền địa phương;

*1.3. Nhiệm vụ/công việc 2:Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vi mô*

- Nhà cung cấp của HTX nông nghiệp;
- Khách hàng hiện tại và tiềm năng của HTX nông nghiệp;
- Đối thủ cạnh tranh của HTX nông nghiệp;
- Đối thủ tiềm ẩn của HTX nông nghiệp;

- Sản phẩm, dịch vụ thay thế cho những sản phẩm, dịch vụ của HTX nông nghiệp.

*1.4. Nhiệm vụ/công việc 3*: *Phân tích các yếu tố thuộc môi trường nội bộ HTX nông nghiệp*

- Quy mô, chất lượng nguồn lực có thể huy động của HTX nông nghiệp;

- Năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.

- Năng lực quản trị của HTX nông nghiệp và hiệu quả mối quan hệ của HTX nông nghiệp với chính quyền địa phương.

***2. Yêu cầu chi tiết về kết quả***

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

Phân tích đầy đủ các yếu tố thuộc môi trường của hợp tác xã bao gồm:

- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô

- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vi mô

- Phân tích các yếu tố thuộc môi trường nội bộ HTX nông nghiệp

***3. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự***

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề bài;

- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra;

- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

**III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu**

***1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân | | | | |
| 1 | Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ | Bộ | 01 | Loại thông dụng trên thị trường | |

***2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)***

| TT | Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật cơ bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |

***3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm***

| ***TT*** | ***Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu*** | ***Đơn vị tính*** | ***Số lượng*** | ***Yêu cầu kỹ thuật cơ bản*** | ***Ghi chú*** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đề kiểm tra thực hành; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ | Bộ | 01 | Loại thông dụng | |
| 2 | Đáp án | Bộ | 01 | Hình ảnh phải được in màu trên giấy A4; rõ nét. | |

## IV. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban tổ chức để bổ sung hoặc thay thế.

2. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá
- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh khác
- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

3. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định

- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

**b. Hướng dẫn chấm điểm**

**1. Bài tập thực hành số 1**

**I. Điểm tối đa của bài kiểm tra**: 100 điểm

**II. Phương pháp chấm điểm trừ**

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải
- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết
- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm
- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Nội dung chấm điểm

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

| TT | Công việc/Bước công việc | Yêu cầu cơ bản |
|---|---|---|
| ***1.*** | ***Chuẩn bị*** | |
| 1.1 | Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành | - Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun<br>- Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1.2 | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | - Nhận 01 giấy bài làm<br>Hoặc nhận 01 máy vi tính, khởi động được máy tính để làm bài. Nếu có sự cố máy tính, báo cáo cán bộ coi thi hướng dẫn đổi máy khác<br>- Ngồi đúng vị trí thi |
| **2** | ***Nhiệm vụ 1: Nêu tổng quan về tình hình thị trường và khả năng tham gia của HTX*** | |

| | | |
|---|---|---|
| ***2.1*** | ***- Tổng quan về tình hình thị trường***<br>***- Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã***<br>***- Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã*** | Phân tích đầy đủ các yếu tố vĩ mô, vi mô ảnh hưởng đến thực trạng HTX.<br>Đầy đủ tính pháp lý theo luật HTX 2012 |
| **3** | ***Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về HTX*** | |
| ***3.1*** | ***- Giới thiệu tổng thể*** | - Nêu đầy đủ:<br>+ Tên hợp tác xã<br>+ Địa chỉ trụ sở chính<br>+ Vốn điều lệ<br>+ Số lượng thành viên<br>+ Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh |
| ***3.2*** | ***- Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã*** | Đầy đủ chức năng các phòng ban |
| ***4*** | ***Nhiệm vụ 3: Phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh*** | |
| ***4.1*** | ***- Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã*** | Phân tích đúng và sát với thực trạng HTX |
| ***4.2*** | ***- Phân tích cạnh tranh*** | Phân tích đúng và sát với thực trạng HTX |
| ***4.3*** | ***- Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã*** | Mục tiêu phù hợp |
| ***4.4*** | ***- Kế hoạch marketing*** | Phù hợp |
| ***4.5*** | ***- Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều*** | Phù hợp |

| | | |
|---|---|---|
| | ***kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh*** | |
| ***5*** | ***Nhiệm vụ 4: Phương án tài chính*** | |
| ***5.1*** | ***- Phương án huy động và sử dụng vốn***<br>***- Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu***<br>***- Phương án tài chính khác*** | Xây dựng phương án phù hợp với thực trạng HTX |
| **6** | ***Trách nhiệm, ý thức*** | Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi. |
| **7** | ***Thời gian*** | - Thời gian chuẩn: 60 phút<br>- Thời gian tối đa: 70 phút |

**III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)**

| **PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH** | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun/môn học | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Ngày đánh giá | |
| Nơi đánh giá | |
| Họ và tên người đánh giá | |
| Tổng điểm bài thi | ...../100 |

**TÊN BÀI KIỂM TRA:**

Anh (chị) hãy trình bày những nội dung chính của một phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã mà anh/chị đang làm việc?

Thời gian bắt đầu: .... giờ ... phút Thời gian kết thúc: ....giờ... phút

| **Mục đánh giá** | **Nội dung chấm điểm** | **Số điểm bị trừ** | **Tổng điểm (100đ)** | **Điểmtrừ** |
|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Chuẩn bị | | Đúng đề và ký tên | Thiếu | 5 | |
| | Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành | | | | |
| | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | | | | |
| | Nhận giấy làm bài thực hành, giấy nháp (hoặc máy tính ), vị trí thi | | | | |
| ***Nhiệm vụ 1: Nêu tổng quan về tình hình thị trường và khả năng tham gia của HTX*** | - Tổng quan về tình hình thị trường | | | 5 | |
| | - Đánh giá khả năng tham gia | | | 5 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thị trường của hợp tác xã | | | | |
| | - Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã | | | 5 | |
| ***Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về HTX*** | Giới thiệu tổng thể | | | 10 | |
| | Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã | | | 10 | |
| ***Nhiệm vụ 3: Phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh*** | - Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã | | | 6 | |
| | - Phân tích cạnh tranh | | | 6 | |
| | - Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã | | | 6 | |
| | - Kế hoạch marketing | | | 6 | |
| | - Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ | | | 6 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | sản xuất, kinh doanh | | | | |
| ***Nhiệm vụ 4: Phương án tài chính*** | ***- Phương án huy động và sử dụng vốn*** | | | 10 | |
| | ***- Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu*** | | | 10 | |
| | ***- Phương án tài chính khác*** | | | 10 | |
| | **Tổng điểm bị trừ** | | | | |
| | **Tổng điểm đạt = 100 – Tổng điểm bị trừ** | | | | |

**2. Bài tập thực hành số 2**

**I. Điểm tối đa của bài kiểm tra**: 100 điểm

**II. Phương pháp chấm điểm trừ**

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải
- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết
- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm
- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Nội dung chấm điểm

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

| TT | Công việc/Bước công việc | Yêu cầu cơ bản |
|---|---|---|
| ***1.*** | ***Chuẩn bị*** | |

| | | |
|---|---|---|
| 1.1 | Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành | - Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun<br>- Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1.2 | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | - Nhận 01 giấy bài làm<br>Hoặc nhận 01 máy vi tính, khởi động được máy tính để làm bài. Nếu có sự cố máy tính, báo cáo cán bộ coi thi hướng dẫn đổi máy khác<br>- Ngồi đúng vị trí thi |
| **2** | ***Nhiệm vụ 1: Nêu điểm mạnh, điểm yếu của HTX*** | |
| ***2.1*** | - Nêu điểm mạnh của HTX | Nêu ít nhất 3 điểm mạnh |
| ***2.2*** | - Nêu điểm yếu của HTX | Nêu ít nhất 3 điểm yếu |
| **3** | ***Nhiệm vụ 2: Nêu cơ hội và nguy cơ của HTX*** | |
| ***3.1*** | - Nêu cơ hội của HTX | Nêu ít nhất 3 cơ hội |
| ***3.2*** | - Nêu nguy cơ của HTX | Nêu ít nhất 3 nguy cơ |
| ***4*** | ***Nhiệm vụ 3: Xây dựng và đánh giá ma trận SWOT*** | |
| ***4.1*** | S – O : Sử dụng điểm mạnh của HTX để khai thác cơ hội do môi trường bên ngoài đem lại | Liệt kê và lựa chọn các biện pháp cụ thể; sử dụng biện pháp nào để tận dụng những điểm mạnh nhằm khai thác cơ hội: |
| ***4.2*** | W – O: Khắc phục điểm yếu của HTX để tận dụng cơ hội do môi trường đem lại | Liệt kê và lựa chọn các biện pháp cụ thể - khắc phục những điểm yếu nhằm tận dụng cơ hội |

| | | |
|---|---|---|
| ***4.3*** | S – T: Sử dụng điểm mạnh của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài | Liệt kê và lựa chọn các biện pháp cụ thể - tận dụng những điểm mạnh nhằm hạn chế nguy cơ |
| ***4.4*** | W – T: Khắc phục điểm yếu của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài. | Liệt kê và lựa chọn các biện pháp cụ thể - khắc phục điểm yếu nhằm hạn chế nguy cơ |
| **5** | ***Trách nhiệm, ý thức*** | Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi. |
| **6** | ***Thời gian*** | - Thời gian chuẩn: 60 phút<br>- Thời gian tối đa: 70 phút |

**III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)**

| **PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH** | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun/môn học | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Ngày đánh giá | |
| Nơi đánh giá | |
| Họ và tên người đánh giá | |
| Tổng điểm bài thi | ...../100 |

**TÊN BÀI KIỂM TRA:**

Trình bày điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của hợp tác xã anh/chị đang làm việc. Trên cơ sở đó xây dựng và đánh giá ma trận SWOT của hợp tác xã đó?

Thời gian bắt đầu: .... giờ ... phút Thời gian kết thúc: ....giờ... phút

| **Mục đánh giá** | **Nội dung chấm điểm** | **Số điểm bị trừ** | | **Tổng điểm (100đ)** | **Điểmtrừ** |
|---|---|---|---|---|---|
| Chuẩn bị | | Đúng đề và ký tên | Thiếu | 5 | |
| | Nghe và ký nhận phiếu giao bài | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | kiểm tra thực hành | | | | |
| | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | | | | |
| | Nhận giấy làm bài thực hành, giấy nháp (hoặc máy tính ), vị trí thi | | | | |
| ***Nhiệm vụ 1: Nêu điểm mạnh, điểm yếu của HTX*** | Nêu điểm mạnh của HTX | | | 12,5 | |
| | Nêu điểm yếu của HTX | | | 12,5 | |
| ***Nhiệm vụ 2: Nêu cơ hội và nguy cơ của HTX*** | Nêu cơ hội của HTX | | | 12,5 | |
| | Nêu nguy cơ của HTX | | | 12,5 | |
| ***Nhiệm vụ 3: Xây dựng và đánh giá ma trận SWOT*** | | | | | |
| | S – O : Sử dụng điểm mạnh của HTX để khai thác | | | 1515 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | cơ hội do môi trường bên ngoài đem lại W – O: Khắc phục điểm yếu của HTX để tận dụng cơ hội do môi trường đem lại | | | | |
| | S – T: Sử dụng điểm mạnh của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài | | | 15 | |
| | W – T: Khắc phục điểm yếu của HTX để phòng chống nguy cơ của môi trường bên ngoài. | | | 15 | |
| | **Tổng điểm bị trừ** | | | | |
| | **Tổng điểm đạt = 100 – Tổng điểm bị trừ** | | | | |

### 3. Bài tập thực hành số 3

**I. Điểm tối đa của bài kiểm tra**: 100 điểm

**II. Phương pháp chấm điểm trừ**

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải

- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết

- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm

- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Nội dung chấm điểm

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

| TT | Công việc/Bước công việc | Yêu cầu cơ bản |
|---|---|---|
| ***1.*** | ***Chuẩn bị*** | |
| 1.1 | Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành | - Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun<br>- Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun |
| 1.2 | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | - Nhận 01 giấy bài làm<br>Hoặc nhận 01 máy vi tính, khởi động được máy tính để làm bài. Nếu có sự cố máy tính, báo cáo cán bộ coi thi hướng dẫn đổi máy khác<br>- Ngồi đúng vị trí thi |
| ***2.*** | ***Nhiệm vụ 1: Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô*** | |
| 2.1 | - Điều kiện tự nhiên: đất đai, địa hình, khí hậu thời tiết địa phương;<br>- Tình hình kinh tế chung và mức sống của người dân tại địa phương;<br>- Những phong tục, tập quán truyền thống tại địa phương;<br>- Các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch tại địa phương;<br>- Sự thay đổi, phát triển của khoa học công nghệ;<br>- Chính sách, pháp luật của nhà nước trung ương, chính quyền địa phương; | Phân tích đúng các yếu tố, mỗi yếu tố cần phân tích ít nhất 1 trường hợp. |

| | | |
|---|---|---|
| ***3.*** | ***Nhiệm vụ 2: Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vi mô*** | |
| 3.1 | - Nhà cung cấp của HTX nông nghiệp;<br>- Khách hàng hiện tại và tiềm năng của HTX nông nghiệp;<br>- Đối thủ cạnh tranh của HTX nông nghiệp;<br>- Đối thủ tiềm ẩn của HTX nông nghiệp;<br>- Sản phẩm, dịch vụ thay thế cho những sản phẩm, dịch vụ của HTX nông nghiệp. | Phân tích đúng các yếu tố, mỗi yếu tố cần phân tích ít nhất 1 trường hợp. |
| ***4.*** | ***Nhiệm vụ 3: Phân tích các yếu tố thuộc môi trường nội bộ HTX nông nghiệp*** | |
| 4.1 | - Quy mô, chất lượng nguồn lực có thể huy động của HTX nông nghiệp;<br>- Năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.<br>- Năng lực quản trị của HTX nông nghiệp và hiệu quả mối quan hệ của HTX nông nghiệp với chính quyền địa phương. | Phân tích đúng các yếu tố, mỗi yếu tố cần phân tích ít nhất 1 trường hợp. |
| **5** | ***Trách nhiệm, ý thức*** | Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi. |
| **6** | ***Thời gian*** | - Thời gian chuẩn: 60 phút<br>- Thời gian tối đa: 70 phút |

## IV. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

| PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH | |
|---|---|
| Tên nghề | Giám đốc HTX nông nghiệp |
| Tên mô đun/môn học | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp |
| Trình độ - Bậc kỹ năng nghề | Sơ cấp - Bậc 1 |
| Ngày đánh giá | |
| Nơi đánh giá | |
| Họ và tên người đánh giá | |
| Tổng điểm bài thi | ...../100 |

**TÊN BÀI KIỂM TRA:**

Phân tích môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, môi trường nội bộ của HTX nông nghiệp mà anh/chị đang làm việc?

Thời gian bắt đầu: .... giờ ... phút Thời gian kết thúc: ....giờ... phút

| Mục đánh giá | Nội dung chấm điểm | Số điểm bị trừ | | Tổng điểm (100đ) | Điểmtrừ |
|---|---|---|---|---|---|
| ***Chuẩn bị*** | | Đúng đề và ký tên | Thiếu | 5 | |
| | | | 5 | | |
| | Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành | | | | |
| | Nhận giấy làm bài thực hành và vị trí thi thực hành được giám thị phân công (hoặc máy tính nếu thi trong phòng máy vi tính) | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Nhận giấy làm bài thực hành, giấy nháp (hoặc máy tính ), vị trí thi | | | | |
| ***Nhiệm vụ 1: Phân tích các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô*** | - Điều kiện tự nhiên: đất đai, địa hình, khí hậu thời tiết địa phương;<br>- Tình hình kinh tế chung và mức sống của người dân tại địa phương;<br>- Những phong tục, tập quán truyền thống tại địa phương;<br>- Các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch tại địa phương;<br>- Sự thay đổi, phát triển của khoa học công nghệ;<br>- Chính sách, pháp luật của nhà nước trung ương, chính quyền địa phương; | | | 45 | |
| ***Nhiệm vụ 2: Phân tích các yếu tố thuộc*** | - Nhà cung cấp của HTX nông nghiệp; | | | 25 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| ***môi trường vi mô*** | - Khách hàng hiện tại và tiềm năng của HTX nông nghiệp;<br>- Đối thủ cạnh tranh của HTX nông nghiệp;<br>- Đối thủ tiềm ẩn của HTX nông nghiệp;<br>- Sản phẩm, dịch vụ thay thế cho những sản phẩm, dịch vụ của HTX nông nghiệp. | | | | |
| ***Nhiệm vụ 3: Phân tích các yếu tố thuộc môi trường nội bộ HTX nông nghiệp*** | - Quy mô, chất lượng nguồn lực có thể huy động của HTX nông nghiệp;<br>- Năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.<br>- Năng lực quản trị của HTX nông nghiệp và hiệu quả mối quan hệ của HTX nông nghiệp với chính quyền địa phương | | | 25 | |
| | **Tổng điểm bị trừ** | | | | |
| | **Tổng điểm đạt=100 – Tổng điểm bị trừ** | | | | |